

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành đề án tuyển sinh sau đại học năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 01 năm 2013 về việc thành lập Trường Đại học Nam Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Nam Cần Thơ được ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-CTHĐT-ĐHNCT ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Nam Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-HĐT-ĐHNCT ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-ĐHNCT ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 534/QĐ-ĐHNCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ;

Xét đề nghị của Trưởng Khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đề án tuyển sinh sau đại học năm 2023 của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, các ông (bà) Trưởng Khoa Sau đại học, Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

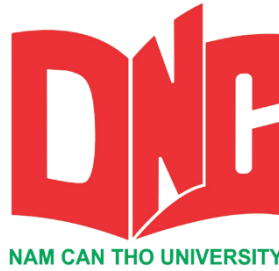
Nơi nhận:

- BGDĐT: để bc;
- HĐT, BGH;
- Website Trường ĐHNCT;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, K. SĐH, P.TC-HC, MC.

(Đã ký)

TS. Nguyễn Văn Quang

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**



**ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
NĂM 2023**

CẦN THƠ, NĂM 2023

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	2
II. THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ	2
2.1 Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh	2
2.2 Đối tượng và điều kiện dự tuyển.....	3
2.3 Phương thức tuyển sinh.....	3
2.4 Chính sách ưu tiên.....	4
2.4.1 Đối tượng	4
2.4.2 Mức ưu tiên	5
2.5 Quy trình tuyển sinh.....	5
2.6 Hồ sơ đăng ký dự tuyển	6
2.7 Số lần tuyển sinh trong năm.....	6
2.8 Các quy định khác về tuyển sinh.....	6
2.8.1 Quy định cụ thể về điều kiện văn bằng	6
2.8.2 Các trường hợp được công nhận đạt trình độ ngoại ngữ đầu vào	6
2.8.3 Quy định về danh mục ngành đúng, ngành phù hợp.....	7
2.8.4 Lệ phí tuyển sinh	11
2.8.5 Địa điểm tổ chức tuyển sinh.....	11
2.8.6 Hình thức đào tạo và địa điểm đào tạo.....	11
III. THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ.....	11
3.1 Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh	11
3.2 Đối tượng và điều kiện dự tuyển.....	12
3.3 Phương thức và quy trình tuyển sinh	12
3.4 Hồ sơ đăng ký dự tuyển	14
3.5 Số lần tuyển sinh trong năm.....	14
3.6 Các quy định khác về tuyển sinh.....	15
3.6.1 Quy định cụ thể về điều kiện văn bằng	15
3.6.2 Các trường hợp được công nhận đạt trình độ ngoại ngữ đầu vào	15
3.6.3 Quy định về danh mục ngành đúng, ngành phù hợp.....	16
3.6.4 Lệ phí tuyển sinh	16
3.6.6 Địa điểm tổ chức tuyển sinh.....	16
3.6.7 Hình thức đào tạo và địa điểm đào tạo.....	17

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNCT, ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nam Cần Thơ
- Mã cơ sở đào tạo: DNC
- Địa chỉ cơ sở đào tạo: số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nổi dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Số điện thoại: (0292) 3 798 222 - 3 798 668
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.nctu.edu.vn
- Trường Đại học Nam Cần Thơ đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam trao Giấy Chứng nhận đạt Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (ngày 06/7/2018).
- Trường Đại học Nam Cần Thơ là 01 trong Top 21 cơ sở giáo dục được chấm sao, đạt chuẩn quốc tế theo hệ thống xếp hạng đối sánh “University Performance Metrics” (UPM) đạt chuẩn 3 sao.
- Hiện nay, Trường Đại học Nam Cần Thơ được tổ chức đào tạo 6 ngành học bậc thạc sĩ: Dược lý và Dược lâm sàng; Luật kinh tế; Quản trị kinh doanh; Kỹ thuật ô tô; Công nghệ thông tin; Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành; và 01 ngành học bậc tiến sĩ: Quản trị kinh doanh.
- Hiện trường có 759 giảng viên, trong đó có 01 giáo sư, 14 Phó giáo sư, 99 Tiến sĩ, 571 Thạc sĩ và 74 Đại học.

II. THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

2.1 Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành	Năm bắt đầu đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)
1	Công nghệ thông tin	8480201	293/QĐ-ĐHNCT, 19/4/2022	2022	40
2	Dược lý & Dược lâm sàng	8720205	396/QĐ-BGDĐT, 27/01/2022	2022	50

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành	Năm bắt đầu đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)
3	Kỹ thuật ô tô	8520130	294/QĐ-ĐHNCT, 19/4/2022	2022	40
4	Luật kinh tế	8380107	143/QĐ-ĐHNCT, 24/3/2020	2020	42
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	292/QĐ-ĐHNCT, 19/4/2022	2022	35
6	Quản trị kinh doanh	8340101	4467/QĐ-BGDĐT, 20/10/2017	2018	40

2.2 Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Có 2 loại chương trình đào tạo thạc sĩ: Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng do Khoa đào tạo công bố.

- Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp các ngành phù hợp theo bảng điểm hay phụ lục văn bằng bậc đại học. Đối với chương trình học thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc tương đương hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc học tập toàn bộ bằng tiếng nước ngoài;

- Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc tương đương trở lên) có điểm trung bình tích lũy (*đã bao gồm các học phần căn bản*) xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước các học phần trình độ thạc sĩ (không quá 15 tín chỉ) nhằm tích lũy năng lực chuyên môn.

2.3 Phương thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương.

- Thành phần xét tuyển:

a) Học phần chủ chốt bậc đại học:

- Căn cứ vào điểm của 02 học phần chủ chốt ở trình độ đại học (môn cơ sở và môn chuyên ngành) và điểm trung bình tích lũy ở đại học của ứng viên để xét tuyển.

- Đối với chương trình định hướng nghiên cứu, ngoài điểm của 02 học phần chủ chốt và điểm trung bình tích lũy ở đại học ứng viên phải có bằng tốt nghiệp đại học xếp loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu theo quy định.

- Có xét công nhận tương đương kiến thức đã học với học phần xét tuyển.

b) Năng lực ngoại ngữ:

- Có văn bằng hay chứng chỉ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự xét tuyển.

c) Quy định các môn học xét tuyển theo ngành:

TT	Ngành	Xét tuyển theo điểm	Ngoại ngữ
1	Công nghệ thông tin	Lập trình căn bản + Toán rời rạc 1 + Điểm TB tích lũy ở đại học	Thí sinh đạt ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên
2	Dược lý & Dược lâm sàng	Hóa phân tích + Dược lý & Dược lâm sàng + Điểm TB tích lũy ở đại học	
3	Kỹ thuật ô tô	Lý thuyết ô tô + Nguyên lý động cơ đốt trong + Điểm TB tích lũy ở đại học	
4	Luật kinh tế	Lý luận chung về NN&PL + Luật thương mại + Điểm TB tích lũy ở đại học	
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tổng quan Du lịch + Quản trị kinh doanh lữ hành + Điểm TB tích lũy ở đại học	
6	Quản trị kinh doanh	Kinh tế học + Quản trị học + Điểm TB tích lũy ở đại học	

• Nguyên tắc xét tuyển:

Ứng viên được tham gia xét tuyển khi đạt yêu cầu các môn học bồi dưỡng kiến thức (nếu có) và đạt yêu cầu trình độ ngoại ngữ. Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp của điểm xét tuyển đến khi tuyển đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Trường hợp có nhiều ứng viên đạt yêu cầu về hồ sơ xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- Ứng viên là nữ ưu tiên theo quy chế tại Khoản 4, Điều 16 của Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

- Người có điểm cao hơn của học phần chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

- Người có bài báo khoa học được đăng trong tạp chí khoa học chuyên ngành phù hợp.

2.4 Chính sách ưu tiên

2.4.1 Đối tượng

Ứng viên được hưởng chính sách ưu tiên khi bản thân thuộc các đối tượng sau:

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết

định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định ở trên;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2.4.2 Mức ưu tiên

Ứng viên thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 2.4.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng nửa điểm (0,5 điểm) vào tổng điểm xét tuyển.

2.5 Quy trình tuyển sinh

Bước 1: Công bố Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

Bước 2: Ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và các ủy viên để thực hiện các công tác tuyển sinh.

Bước 3: Chủ tịch HĐTS ra quyết định thành lập các ban giúp việc cho HĐTS của Trường Đại học Nam Cần Thơ bao gồm: ban thư ký, ban thanh tra, ban đề thi, ban cơ sở vật chất, ban coi thi, ban chấm kiểm tra, ban chấm thi, ban chấm phúc khảo.

Bước 4: Khoa Sau đại học nhận đầy đủ hồ sơ thí sinh dự tuyển Thạc sĩ và ra biên nhận hồ sơ.

Bước 5: Căn cứ hồ sơ dự tuyển, Hội đồng xét duyệt hồ sơ tiến hành xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh bao gồm các điều kiện dự tuyển theo quy định, gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và công khai danh sách thí sinh đủ điều kiện ôn tập và dự thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chậm nhất 15 ngày trước khi bắt đầu ôn tập.

Bước 6: Chấm phúc khảo và giải quyết khiếu nại.

Bước 7: Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành đào tạo, tổng điểm xét tuyển hai môn trong trương trình đào tạo và điểm trung bình tích lũy theo kết quả học tập ở trình độ Đại học hoặc tương đương, Hội đồng tuyển sinh công bố danh sách học bổ sung kiến thức cho những thí sinh đăng ký trái ngành và chưa đủ điều kiện trúng tuyển

Bước 8: Tiến hành tổ chức học và thi các môn bổ sung kiến thức đối với các nhóm ngành không thuộc ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.

Bước 9: Họp xét tuyển và công nhận thí sinh trúng tuyển.

Bước 10: Ban hành quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển.

Bước 11: Gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

2.6 Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- a) Phiếu đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
- b) Bảng điểm đại học/Phụ lục văn bằng (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- c) Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
- d) Biên nhận hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu (01 bản chính theo mẫu);
- e) Căn cước công dân (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- f) Chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ, nếu có (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);

2.7 Số lần tuyển sinh trong năm

Trường Đại Học Nam Cần Thơ tuyển sinh nhiều đợt/năm, tùy theo chỉ tiêu tuyển sinh.

2.8 Các quy định khác về tuyển sinh

2.8.1 Quy định cụ thể về điều kiện văn bằng

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ cần được công chứng bao gồm cả bằng tốt nghiệp và phụ lục văn bằng/bảng điểm kèm theo;
- Trường hợp ứng viên sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời để nộp hồ sơ dự tuyển thì yêu cầu ứng viên phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp (chính thức) trước thời điểm công nhận trúng tuyển mới được xem xét công nhận trúng tuyển (nếu đạt yêu cầu);
- Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ cần phải nộp bản bản photo có công chứng. Các chứng chỉ ngoại ngữ phải còn hiệu lực tính đến thời điểm ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển.

2.8.2 Các trường hợp được công nhận đạt trình độ ngoại ngữ đầu vào

➤ Văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;
- Có bằng tốt nghiệp Đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

➤ Chứng chỉ ngoại ngữ

- Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên hoặc tương đương còn hiệu lực tính từ ngày

cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

- Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ -1	ТРКИ -2

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Trường cần xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi tương đương.

2.8.3 Quy định về danh mục ngành đúng, ngành phù hợp

Quy định ngành đúng, ngành phù hợp với các ngành đăng ký dự tuyển và các môn học bổ sung kiến thức được thể hiện chi tiết như sau:

➤ *Ngành Công nghệ thông tin*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung
748	Máy tính và công nghệ thông tin	Lĩnh vực phù hợp
74801	Máy tính	Nhóm ngành đúng: Không học bổ sung kiến thức
7480101	Khoa học máy tính	
7480102	Mạch máy tính và truyền thông dữ liệu	
7480103	Kỹ thuật phần mềm	
7480104	Hệ thống thông tin	
7480106	Kỹ thuật máy tính	
7480107	Trí tuệ nhân tạo	
7480109	Khoa học dữ liệu	
74802	Công nghệ thông tin	
7480201	Công nghệ thông tin	
7480202	An toàn thông tin	
7480106	Kỹ thuật máy tính	Nhóm ngành phù hợp (<i>căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét số môn phải học bổ sung kiến thức</i>) Các môn học bổ sung kiến thức: 1. Lập trình căn bản – 3 TC 2. Phân tích và thiết kế thuật toán – 3 TC 3. Toán rời rạc 1 – 3 TC
7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	
7140210	Sư phạm Tin học	
7460117	Toán tin	
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
7340122	Thương mại điện tử	
7320104	Truyền thông đa phương tiện	
7320205	Quản lý thông tin	

➤ Ngành Dược lý – Dược lâm sàng

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung
772	Sức khỏe	Lĩnh vực phù hợp
77202	Nhóm ngành Dược học	Ngành đúng, ngành phù hợp: Không học bổ sung kiến thức
7720201	Dược học	
7720203	Hóa dược	
77201	Nhóm ngành Y học	Nhóm ngành cùng lĩnh vực (<i>căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét số môn phải học bổ sung kiến thức</i>) Các môn học bổ sung kiến thức: 1. Hóa dược – 3 TC 2. Dược lý – 3 TC 3. Dược lâm sàng – 3 TC 4. Pháp chế dược – 2 TC
77203	Điều dưỡng – hộ sinh	
77204	Dinh dưỡng	
77205	Răng – Hàm – Mặt	
77206	Kỹ thuật y học	
77207	Y tế công cộng	
77208	Quản lý y tế	
77290	Y sinh học	
	Chỉ tuyển sinh thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc lĩnh vực sức khỏe	

➤ *Ngành Kỹ thuật ô tô*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung
7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Lĩnh vực đúng
	Nhóm ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật ô tô	Nhóm ngành đúng: Không học bổ sung kiến thức
7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Nhóm ngành cùng lĩnh vực (<i>căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét số môn phải học bổ sung kiến thức</i>) Các môn học bổ sung kiến thức: 1. Lý thuyết ô tô - 3 TC 2. Kết cấu ô tô - 2 TC 3. Nguyên lý động cơ đốt trong - 3TC
7510202	Công nghệ chế tạo máy	
7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động hóa	
7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	
	Tất cả các nhóm ngành và ngành khác (<i>căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét số môn phải học bổ sung kiến thức</i>).	Các môn học bổ sung kiến thức: 1. Nhập môn Công nghệ kỹ thuật ô tô - 2 TC 2. Lý thuyết ô tô - 3 TC 3. Kết cấu ô tô - 2 TC 4. Nguyên lý động cơ đốt trong - 3 TC 5. Ô tô hiện đại - 2 TC

➤ *Ngành Luật kinh tế*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung
738	Pháp luật	Lĩnh vực phù hợp
73801	Nhóm ngành Luật	Nhóm ngành đúng: Không học bổ sung kiến thức
73404	Quản trị - Quản lý	Nhóm ngành phù hợp – Học bổ sung 03 học phần: 1. Lý luận NN&PL – 2TC 2. Luật dân sự – 2TC 3. Luật thương mại – 2TC
73101	Kinh tế học	
	Tất cả các nhóm ngành và ngành khác (<i>Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét số môn phải học bổ sung kiến thức</i>)	1. Lý luận NN&PL – 2TC 2. Luật dân sự – 2TC 3. Luật thương mại -2TC 4. Luật đất đai – 2TC 5. Luật lao động – 2TC 6. Luật doanh nghiệp – 2TC

➤ *Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung
78101	Nhóm ngành Du lịch	Lĩnh vực đúng
7810101	Du lịch	Nhóm ngành phù hợp: Không học bổ sung kiến thức
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
7810201	Quản trị khách sạn	
7810202	Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	
734	Khối ngành kinh doanh và quản lý	Nhóm ngành gần (<i>căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét số môn phải học bổ sung kiến thức</i>) Các môn học bổ sung kiến thức: 1. Tổng quan du lịch – 2TC 2. Thiết kế và điều hành tour du lịch – 2TC 3. Quản trị kinh doanh lữ hành – 2TC
73401	Nhóm ngành Kinh doanh	
73404	Nhóm ngành Quản trị - Quản lý Các ngành được đào tạo về du lịch thuộc ngành xã hội, nhân văn như: Việt Nam học, Địa lý du lịch...	
	Tất cả các nhóm ngành và ngành khác <i>Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét số môn phải học bổ sung kiến thức</i>	Các môn học bổ sung kiến thức: 1. Quản trị học – 2TC 2. Kinh tế học – 2TC 3. Kinh tế du lịch – 2TC 4. Tổng quan du lịch – 2TC 5. Thiết kế và điều hành tour du lịch – 2TC 6. Quản trị kinh doanh lữ hành – 2TC

➤ *Ngành Quản trị kinh doanh*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung
734	Khối ngành kinh doanh và quản lý	Không học bổ sung kiến thức
73401	Nhóm ngành kinh doanh	
7340101	Quản trị kinh doanh	
7340115	Marketing	
7340116	Bất động sản	
7340120	Kinh doanh quốc tế	
7340121	Kinh doanh thương mại	
7340122	Thương mại điện tử	
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	

	Tất cả các khối ngành, nhóm ngành và ngành khác (Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét số môn phải học bổ sung kiến thức)	1. Kinh tế vi mô – 2 TC 2. Kinh tế vĩ mô – 2 TC 3. Quản trị học – 2 TC 4. Nguyên lý thống kê – 2 TC 5. Nguyên lý kế toán – 2 TC
--	--	---

2.8.4 Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí tiếp nhận, xét tuyển sinh: 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng)/hồ sơ;
- Hỗ trợ ôn tập và dự đánh giá năng lực ngoại ngữ: 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng)/hồ sơ;
- Học bổ sung kiến thức: 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng)/tín chỉ.

2.8.5 Địa điểm tổ chức tuyển sinh

Địa điểm tổ chức tuyển sinh tại Trường Đại học Nam Cần Thơ, số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nói dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

2.8.6 Hình thức đào tạo và địa điểm đào tạo

➤ Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo chính quy. Đào tạo theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng;
- Hình thức giảng dạy: Giảng dạy tập trung (offline) và trực tuyến (online) hoặc kết hợp cả hai vừa tập trung vừa trực tuyến;
- Thời gian học tập: Có 2 phương án do học viên chọn.
- + Phương án 1: Học các ngày trong tuần (từ thứ hai đến thứ sáu).
- + Phương án 2: Học các ngày thứ bảy và chủ nhật.
- Thời gian đào tạo: 02 năm (tối đa 04 năm);
- Học phí, chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Hiệu trưởng.

➤ Địa điểm đào tạo

- Số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nói dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

➤ Khung chương trình đào tạo

- Tham khảo khung chương trình đào tạo tại địa chỉ: www.nctu.edu.vn

III. THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

3.1 Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành	Năm bắt đầu đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)
1	Quản trị kinh doanh	9340101	291/QĐ-ĐHNCT, 19/4/2022	2022	15

3.2 Đối tượng và điều kiện dự tuyển

3.2.1 Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

3.2.2 Đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam: phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

3.2.3. Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài: nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.3 Phương thức và quy trình tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.
- Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh:
 1. Thông báo tuyển sinh.
 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các Ủy viên để thực hiện các công tác tuyển sinh.
 3. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng sơ tuyển và Hội đồng chấm đề cương.
 4. Quy trình thực hiện:
 - a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
 - b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp

lệ của thí sinh gửi tới Trường;

c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các Hội đồng chấm đề cương, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển;

e) Hội đồng sơ tuyển: Có nhiệm vụ xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh bao gồm các điều kiện dự tuyển theo quy định. Hội đồng sơ tuyển bao gồm 06 thành viên: Hiệu trưởng, Trường Khoa Sau đại học, lãnh đạo Khoa chuyên môn, lãnh đạo bộ môn, trợ lý đào tạo sau đại học ở Khoa chuyên môn và chuyên viên phụ trách quản lý đào tạo tiến sĩ của Khoa Sau đại học.

5. Hội đồng chấm đề cương:

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và đề cương nghiên cứu của các thí sinh, Trường Khoa chuyên môn đề xuất danh sách Hội đồng chấm đề cương trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định;

b) Hội đồng chấm đề cương bao gồm 05 thành viên có học vị tiến sĩ ít nhất 01 năm trở lên, có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của thí sinh dự tuyển, am hiểu lĩnh vực và đề cương nghiên cứu của thí sinh, trong đó có người hướng dẫn chính dự kiến. Thành phần Hội đồng gồm có Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên Hội đồng;

c) Hội đồng chấm đề cương có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu tổng quát, khả năng nghiên cứu của thí sinh; xếp hạng các thí sinh dự tuyển theo điểm từ cao xuống thấp; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh (*theo mẫu*);

6. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

a) Ứng viên trình bày đề cương nghiên cứu tổng quát và kế hoạch thực hiện luận án trước Hội đồng chấm đề cương. Các thành viên Hội đồng đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: năng lực kiến thức chuyên môn, sự rõ ràng của mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu; tính mới, tính khả thi của đề tài và kế hoạch nghiên cứu.

b) Hội đồng chấm đề cương đánh giá phân loại ứng viên thông qua hồ sơ dự tuyển và thành tích nghiên cứu khoa học đã có, kinh nghiệm hoạt động chuyên môn và chất lượng đề cương nghiên cứu (*theo mẫu*).

c) Căn cứ các yêu cầu đánh giá, Hội đồng chấm đề cương tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách ứng viên xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh. Người đạt yêu cầu xét tuyển phải có điểm đánh giá đề cương nghiên cứu tối thiểu đạt 5,5 trở lên.

d) Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Hiệu trưởng quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo. Hiệu trưởng phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

e) Căn cứ danh sách ứng viên trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trường

gửi giấy báo nhập học đến các ứng viên trúng tuyển. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, chuyên ngành, giao đề tài nghiên cứu, phân công người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh.

f) Việc xét tuyển người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Nam Cần Thơ được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.4 Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- a) 01 phiếu đăng ký dự tuyển, có dán ảnh;
- b) 01 bản copy bằng tốt nghiệp đại học (*có mang bản gốc*);
- c) 01 Phụ lục văn bằng hoặc Bảng điểm đại học (*có thị thực hoặc bản copy có mang bản gốc*);
- d) 01 Bằng tốt nghiệp thạc sĩ (*bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang bản gốc*);
- e) 01 Phụ lục văn bằng hoặc Bảng điểm thạc sĩ (*bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang bản gốc*);
- f) 01 Lý lịch khoa học (*bản chính theo mẫu*);
- g) 01 CMND/CCCD (*bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang bản gốc*);
- h) 01 Chứng chỉ ngoại ngữ (*bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang bản gốc*);
- i) 01 Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý chất lượng đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (*bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang bản gốc*);
- j) Có một trong các chứng minh sau:
 - Luận văn thạc sĩ theo chương trình định hướng nghiên cứu (bản sao Quyết định thành lập Hội đồng, bản photo trang bìa, mục lục, trang đầu và trang cuối của luận văn, Quyết định công nhận tốt nghiệp);
 - Bản sao bài báo, báo cáo khoa học đã công bố (06 bản);
 - Bản xác nhận thâm niên công tác (tối thiểu 24 tháng) là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
- k) Đề cương nghiên cứu tổng quát (06 quyển *theo mẫu*);
- l) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (*nếu người dự tuyển là công chức, viên chức*);
- m) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (*theo mẫu*);
- n) Biên nhận hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

3.5 Số lần tuyển sinh trong năm

Trường Đại Học Nam Cần Thơ tuyển sinh nhiều đợt/năm, tùy theo chỉ tiêu tuyển sinh.

3.6 Các quy định khác về tuyển sinh

3.6.1 Quy định cụ thể về điều kiện văn bằng

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ cần được công chứng bao gồm cả bằng tốt nghiệp và phụ lục văn bằng/bảng điểm kèm theo;

- Trường hợp ứng viên sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời để nộp hồ sơ dự tuyển thì yêu cầu ứng viên phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp (chính thức) trước thời điểm công nhận trúng tuyển mới được xem xét công nhận trúng tuyển (nếu đạt yêu cầu);

- Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ cần phải nộp bản bản photo có công chứng. Các chứng chỉ ngoại ngữ phải còn hiệu lực tính đến thời điểm ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển.

3.6.2 Các trường hợp được công nhận đạt trình độ ngoại ngữ đầu vào

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

- Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên

4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chúng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Trường cần xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi tương đương.

3.6.3 Quy định về danh mục ngành đúng, ngành phù hợp

Quy định ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển và các môn học bổ sung sau khi trúng tuyển Tiến sĩ được Khoa đào tạo quyết định.

- Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: Nghiên cứu sinh là cử nhân phải hoàn tất các học phần của chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Nam Cần Thơ (không bao gồm ngoại ngữ và luận văn).

- Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh: Nghiên cứu sinh phải hoàn thành 05 học phần bổ sung. Nghiên cứu sinh sẽ được xét miễn giảm nếu đã học các học phần và có kết quả đạt ở trình độ thạc sĩ.

Bảng 1. Danh mục các học phần bổ sung đối với ngành gần

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	03
2	Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp	03
3	Quản trị tài chính và kế toán cho cấp quản trị	03
4	Lý thuyết và các mô hình quản trị Nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	03
5	Nghiên cứu Marketing	03

3.6.4 Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí tiếp nhận, xét tuyển sinh: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);
- Hỗ trợ ôn tập và dự đánh giá năng lực ngoại ngữ: (thông báo sau).

3.6.5 Học phí toàn khóa: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)

3.6.6 Địa điểm tổ chức tuyển sinh

Địa điểm tổ chức tuyển sinh tại Trường Đại học Nam Cần Thơ, số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

3.6.7 Hình thức đào tạo và địa điểm đào tạo

- *Hình thức và thời gian đào tạo*
 - Hình thức đào tạo chính quy.
 - Hình thức giảng dạy: Giảng dạy tập trung (offline) và trực tuyến (online) hoặc kết hợp cả hai vừa tập trung vừa trực tuyến;
 - Thời gian đào tạo: 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng);
 - Học phí theo quy định. Chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Hiệu trưởng.
- *Địa điểm đào tạo*
 - Số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- *Khung chương trình đào tạo*
 - Tham khảo khung chương trình đào tạo tại địa chỉ: www.nctu.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Văn Quang